

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Ngân hàng thương mại.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (sau đây gọi là văn phòng đại diện nước ngoài).
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài.

Chương II

CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP

Mục 1

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 3. Thẩm quyền quyết định cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

2. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng có thẩm quyền quyết định việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định:

a) Cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ các chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với văn phòng đại diện nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 4. Nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi đặt trụ sở hoặc thanh toán

trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp đổi Giấy phép.

2. Mức lệ phí cấp đổi Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 5. Thông báo thông tin về cấp đổi Giấy phép, sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho Cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này; Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc Giấy phép cấp đổi cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc Giấy phép cấp đổi đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với văn phòng đại diện nước ngoài cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở hoặc nơi văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Mục 2

CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP, CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀO GIẤY PHÉP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Nguyên tắc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) không thực hiện cấp đổi đối với các nội dung hoạt động mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp đổi.

2. Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tên nội dung hoạt động được phép thực hiện phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này. Giấy phép được cấp đổi thay thế tất cả các Giấy phép, văn bản chấp thuận (là một phần không thể tách rời của Giấy phép) mà Ngân hàng Nhà nước đã cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó trước thời điểm cấp đổi.

3. Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo từng hệ thống thanh toán quốc tế.

4. Đối với hoạt động kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối; dịch vụ thanh toán quốc tế; hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về ngoại hối, tiền tệ, tài sản tài chính khác cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài; hoạt động kinh doanh vàng, việc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Đối với các nội dung hoạt động quy định tại khoản 25 Điều 4 Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại (Phụ lục 01) và khoản 24 Điều 4 Mẫu Giấy phép cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 02, Phụ lục 03), ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước; thủ tục, cấp bổ sung các nội dung hoạt động này vào Giấy phép thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét cấp đổi Giấy phép trong đó bao gồm nội dung cấp bổ sung theo đề nghị, trên cơ sở ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép lập hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp đến trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Một cửa) (đối với trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư này) hoặc trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (Bộ phận Một cửa) (đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Thông tư này).

2. Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp đổi Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với

cấp đổi Giấy phép theo đề nghị cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi Ngân hàng Nhà nước cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

a) Công bố thay đổi của Giấy phép trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam;

b) Ngân hàng thương mại phải thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung Giấy phép cấp đổi, cấp bổ sung.

Điều 8. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép (đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài); hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép (đối với văn phòng đại diện nước ngoài) được lập 01 bộ bằng tiếng Việt.

2. Thành phần hồ sơ của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Hồ sơ đề nghị phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép và cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép

1. Đối với trường hợp cấp đổi Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép, trong đơn cần nêu rõ các nội dung hoạt động đề nghị thực hiện;

b) Danh mục các nội dung hoạt động kèm bản chụp từ Giấy phép hiện hành và các văn bản chấp thuận khác của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

2. Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, trong đơn cần nêu rõ:

- (i) Các nội dung hoạt động đề nghị bổ sung;
 - (ii) Cam kết đảm bảo đáp ứng các điều kiện để thực hiện các nội dung hoạt động theo đề nghị và tiếp tục duy trì việc đáp ứng các điều kiện này theo quy định;
 - (iii) Cam kết đây là các nội dung hoạt động mà chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài);
 - (iv) Cam kết đây là các nội dung hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);
 - (v) Báo cáo về việc ngân hàng đã được cấp phép thực hiện hoạt động mua bán trái phiếu Chính phủ đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung hoạt động đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) ngân hàng thương mại nhất trí thông qua việc đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép; văn bản của ngân hàng mẹ đồng ý đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- c) Tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện hoạt động dự kiến thực hiện tại Việt Nam là hoạt động mà chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính;
- d) Riêng đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép các hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b và c khoản này, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần có các quy trình nội bộ, trong đó có các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp với từng nội dung hoạt động đề nghị bổ sung vào Giấy phép;
- đ) Đối với trường hợp đề nghị cấp bổ sung vào Giấy phép hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a, b và c khoản này, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bổ sung các tài liệu sau:
- (i) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và quốc tế;
 - (ii) Quy định nội bộ về: quản lý rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng yêu cầu của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế;

(iii) Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật về hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật;

(iv) Tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, gồm một trong số các giấy tờ sau: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc các văn bản, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp cấp;

(v) Đối với trường hợp đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp các tài liệu tại điểm đ(i), đ(iv) khoản 2 Điều này và các tài liệu sau: Báo cáo thuyết minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (trong đó có số liệu giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế tính đến thời điểm nộp hồ sơ); Hợp đồng hoặc Thỏa thuận hoặc Thư xác nhận của tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế về việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (hoặc ngân hàng mẹ) đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

3. Đối với trường hợp cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép, trong đơn có các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này;

b) Hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều này.

Mục 3

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NHỮNG THAY ĐỔI CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Quy định chung về những thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài

1. Văn phòng đại diện nước ngoài lập hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp đến trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (Bộ phận Một cửa) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư này và đảm bảo nguyên tắc lập hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này đối với các nội dung thay đổi sau đây:

a) Thay đổi tên;

b) Thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở;

c) Gia hạn thời hạn hoạt động.

2. Văn phòng đại diện nước ngoài nộp văn bản thông báo qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở (Bộ phận Một cửa) chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có các nội dung thay đổi sau đây:

- a) Thay đổi Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài;
- b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố;
- c) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở mà không làm thay đổi địa điểm đặt trụ sở.

3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này, văn phòng đại diện nước ngoài thực hiện các nội dung sau đây:

a) Tiến hành hoạt động tại địa điểm mới và chấm dứt hoạt động tại địa điểm cũ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; đồng thời có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở;

b) Công bố các nội dung thay đổi trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài

1. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với những thay đổi tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này gồm:

- a) Đơn đề nghị thay đổi tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:
 - (i) Nội dung hiện tại;
 - (ii) Nội dung dự kiến thay đổi. Đối với trường hợp thay đổi tên, tên dự kiến thay đổi phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này;
 - (iii) Lý do thay đổi;
- b) Tài liệu chứng minh lý do thay đổi đối với trường hợp thay đổi tên; hoặc tài liệu chứng minh văn phòng đại diện nước ngoài có quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở tại địa bàn đặt trụ sở mới đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở;
- c) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán độc lập của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và Báo cáo tổng quan tình hình hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động (trong đó nêu rõ tình hình hoạt động trong 03 (ba) năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị và kế hoạch hoạt động trong năm tiếp theo).

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Văn phòng đại diện nước ngoài lập hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi tên, gia hạn thời hạn hoạt động) hoặc gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi dự kiến chuyển trụ sở đến (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở). Đối với trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, thời hạn gửi hồ sơ tối thiểu 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài. Đồng thời, có văn bản thông tin đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 12. Nguyên tắc áp dụng

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài tổ chức và hoạt động theo các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư này và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 13. Hoạt động theo pháp luật về chứng khoán

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương trên thị trường chứng khoán khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương hoặc nội dung mua bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; mua, bán trái phiếu Chính phủ.

2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy

định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán, hoạt động ngân hàng giám sát, hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung hoạt động này và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:

a) Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên bù trừ;

b) Đối với hoạt động ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật về chứng khoán: ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;

c) Đối với hoạt động lưu ký chứng khoán: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.

3. Văn bản cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán là văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Đối với các hoạt động liên quan đến chứng khoán, thị trường chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Hoạt động đại lý bảo hiểm

1. Khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Khi thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Thông báo thông tin về người đại diện theo pháp luật và Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thay đổi người đại diện theo pháp luật, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có văn

bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin về họ và tên; giới tính; chức danh; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; loại giấy tờ pháp lý của cá nhân; số giấy tờ pháp lý của cá nhân; ngày cấp; nơi cấp; địa chỉ thường trú; địa chỉ liên lạc của người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự theo quy định).

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thay đổi Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải có văn bản thông báo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở các thông tin về họ và tên; giới tính; chức danh; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; loại giấy tờ pháp lý của cá nhân; số giấy tờ pháp lý của cá nhân; ngày cấp; nơi cấp; địa chỉ thường trú; địa chỉ liên lạc của Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thay đổi người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin về người đại diện theo pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính, nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thay đổi người đại diện theo pháp luật của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này; văn bản thay đổi Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin về người đại diện theo pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này, thông tin về Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Mục 2

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Điều 16. Tên, trụ sở chính của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài

1. Tên của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan và được đặt phù hợp với hình thức pháp lý, loại hình tương ứng như sau:

- a) Ngân hàng thương mại cổ phần và Tên riêng;
- b) Ngân hàng liên doanh và Tên riêng;
- c) Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Tên tổ chức tín dụng nước ngoài và Việt Nam;
- d) Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn và Tên riêng đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài hai thành viên trở lên;
- đ) Ngân hàng và Tên tổ chức tín dụng nước ngoài - Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt chi nhánh. Trong trường hợp ngân hàng nước ngoài thành lập hai chi nhánh trở lên tại một tỉnh, thành phố thì phải bổ sung tên để đảm bảo phân biệt các chi nhánh khác nhau;
- e) Văn phòng đại diện nước ngoài và tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng - tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt văn phòng đại diện nước ngoài.

2. Trụ sở chính của ngân hàng thương mại phải đảm bảo đáp ứng các quy định về trụ sở chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các điều kiện sau:

- a) Là nơi làm việc của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật và được thực hiện giao dịch với khách hàng;
- b) Phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ cụ thể bao gồm tên tòa nhà (nếu có), số nhà, tên đường/phố, xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại (nếu có), số fax (nếu có) và thư điện tử (nếu có);
- c) Đảm bảo thuận tiện giao dịch với khách hàng và tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước về kho tiền;
- d) Có hệ thống thông tin quản lý kết nối trực tuyến giữa trụ sở chính với các chi nhánh và các bộ phận kinh doanh của ngân hàng đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành và quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và yêu cầu về quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo đáp ứng các quy định về trụ sở chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các điều kiện sau:

- a) Là nơi làm việc của Tổng giám đốc (Giám đốc), được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật và được thực hiện giao dịch với khách hàng;
- b) Phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ cụ thể bao gồm tên tòa nhà (nếu có), số nhà, tên đường/phố, xã/phường/thị trấn, huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại (nếu có), số fax (nếu có) và thư điện tử (nếu có);
- c) Đảm bảo thuận tiện giao dịch với khách hàng và tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước về kho tiền;

d) Có hệ thống thông tin quản lý kết nối trực tuyến với trụ sở chính của tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành và quản lý rủi ro của ngân hàng nước ngoài và yêu cầu về quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

4. Trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, thuộc địa bàn hoạt động ghi trong Giấy phép; số điện thoại (nếu có); số fax (nếu có) và thư điện tử (nếu có).

Điều 17. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự

1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Một Ủy ban phải có tối thiểu ba thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và các thành viên khác do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định nội bộ và Điều lệ của ngân hàng thương mại. Một thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Đối với ngân hàng thương mại cổ phần, Ủy ban quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 18. Quy chế làm việc của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự

1. Khi thành lập các Ủy ban, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ban hành, ngân hàng thương mại gửi các quy định nội bộ này tới Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để báo cáo.

2. Quy chế làm việc và chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban tối thiểu gồm các nội dung sau:

a) Quy chế làm việc của các Ủy ban tối thiểu bao gồm: số lượng thành viên của Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên, các kỳ họp định kỳ của Ủy ban, việc họp bất thường của Ủy ban, hình thức và tỷ lệ biểu quyết đối với ý kiến đề xuất của các Ủy ban này;

b) Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro bao gồm:

(i) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng;

(ii) Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn;

(iii) Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đổi

với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;

(iv) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua quyết định đầu tư, các hợp đồng, giao dịch có liên quan; quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ngân hàng thương mại trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên giao;

c) Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự:

(i) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về quy mô và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của ngân hàng;

(ii) Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng;

(iii) Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của ngân hàng.

Mục 3

VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN ĐƯỢC CẤP

Điều 19. Vốn điều lệ, vốn được cấp

1. Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại:

a) Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là tổng số tiền do chủ sở hữu, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn đã góp; là tổng mệnh giá cổ phần của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông;

b) Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại có thể được tăng từ các nguồn sau:

(i) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

(ii) Chào bán cổ phiếu ra công chúng, chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

(iii) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

(iv) Vốn do chủ sở hữu, thành viên góp vốn cấp thêm, vốn góp thêm của thành viên góp vốn mới;

(v) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là số tiền do ngân hàng nước ngoài đã cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài và được ghi trong Giấy phép;

b) Vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể được tăng từ các nguồn sau:

(i) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối;

(ii) Vốn do ngân hàng mẹ cấp thêm;

(iii) Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của ngân hàng thương mại cổ phần

1. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của ngân hàng thương mại cổ phần phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 21. Tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

1. Việc tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, thành viên sáng lập chỉ được chuyển nhượng phần vốn góp cho thành viên sáng lập khác. Trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ khi bắt đầu góp vốn vào ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, các thành viên góp vốn chỉ được chuyển nhượng phần vốn góp cho thành viên góp vốn khác với điều kiện bảo đảm tỷ lệ sở hữu phần vốn góp quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Việc tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp cho tổ chức không phải là thành viên góp vốn của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Các tổ chức tín dụng và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối tác mới (trừ đối tác mới của ngân hàng liên doanh là doanh nghiệp không phải ngân hàng) phải đáp ứng các điều kiện của thành viên sáng lập theo

quy định tại khoản 5 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn;

b) Đối tác mới là tổ chức tín dụng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b, d, đ khoản 2, khoản 5 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn;

c) Đối với ngân hàng liên doanh, đối tác mới là doanh nghiệp không phải ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài;

(ii) Trường hợp là doanh nghiệp Nhà nước, phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản cho phép góp vốn, nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại ngân hàng liên doanh theo quy định của pháp luật;

(iii) Trường hợp là doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, phải tuân thủ việc góp vốn, nhận chuyển nhượng phần vốn góp theo các quy định liên quan của pháp luật;

(iv) Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 2.000 tỷ đồng trong 03 (ba) năm liên kế năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp đối với phần vốn góp từ trên 1% đến dưới 5% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh hoặc có vốn chủ sở hữu tối thiểu 200 tỷ đồng, tổng tài sản tối thiểu 400 tỷ đồng trong 03 (ba) năm liên kế năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp đối với phần vốn góp từ 1% vốn điều lệ trở xuống của ngân hàng liên doanh;

(v) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có yêu cầu vốn pháp định, phải đảm bảo vốn chủ sở hữu trừ đi vốn pháp định tối thiểu bằng số vốn góp cam kết theo số liệu từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán của năm liên kế năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp;

(vi) Kinh doanh có lãi trong 03 (ba) năm liên kế năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp;

(vii) Không được dùng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, nhận chuyển nhượng phần vốn góp;

(viii) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và bảo hiểm xã hội theo quy định đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp;

(ix) Không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng khác được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

d) Trường hợp tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp dẫn đến có tổ chức tín dụng nước ngoài khác sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng nước ngoài mới phải đảm bảo nội dung hoạt động của

ngân hàng 100% vốn nước ngoài là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đó đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính.

4. Điều kiện mua lại phần vốn góp:

a) Yêu cầu mua lại phần vốn góp của thành viên góp vốn, điều kiện thanh toán và xử lý phần vốn góp thực hiện theo quy định về mua lại phần vốn góp của Luật Doanh nghiệp;

b) Sau khi thanh toán hết phần vốn góp được mua lại, ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định;

c) Tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mua lại phần vốn góp;

d) Kinh doanh liên tục có lãi trong 05 (năm) năm liền kể năm đề nghị mua lại phần vốn góp và không có lỗ lũy kế;

đ) Không bị Ngân hàng Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong 05 (năm) năm liền kể năm đề nghị mua lại phần vốn góp và đến thời điểm đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc mua lại phần vốn góp.

5. Việc tăng vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị tăng vốn, chuyển nhượng vốn góp, mua lại phần vốn góp thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 22. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

2. Đảm bảo đáp ứng các điều kiện để thực hiện các nội dung hoạt động theo đề nghị và tiếp tục duy trì việc đáp ứng các điều kiện này theo quy định.

3. Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Đối với trường hợp đã tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế trước ngày Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt có hiệu lực thi hành, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải hoàn thành thủ tục bổ sung nội dung tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế vào Giấy phép theo quy định tại Thông tư này trong vòng 24 tháng kể từ ngày Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt có hiệu lực thi hành. Quá thời hạn nêu trên, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải dừng tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế cho đến khi hoàn thành thủ tục bổ sung nội dung tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế ghi trong Giấy phép;

b) Trong quá trình tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên rà soát, theo dõi, đánh giá về việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, hoạt động tổ chức, vận hành của hệ thống thanh toán quốc tế để có điều chỉnh phù hợp nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

c) Đảm bảo việc tham gia hệ thống thanh toán quốc tế phù hợp với các cam kết về thanh toán tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia;

d) Chấp hành quy định về bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Chịu trách nhiệm về nội dung và tổ chức triển khai các quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ và quy trình quản lý rủi ro khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế; thực hiện hoạt động kết nối hệ thống thanh toán quốc tế theo đúng quy định nội bộ đã ban hành;

e) Thực hiện việc báo cáo định kỳ hàng năm về giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế theo mẫu Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp đột xuất hoặc khi cần thiết, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

4. Thực hiện nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Làm đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Có văn bản kèm hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị có liên quan trong Ngân hàng Nhà nước về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán và tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi thực hiện trách nhiệm tại điểm a khoản này;

c) Gửi thông tin thay đổi kèm Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc Giấy phép cấp đổi cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

d) Thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về thay đổi người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

đ) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép sau khi đã cấp phép;

e) Xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư.

2. Sở Giao dịch:

a) Hướng dẫn ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép;

b) Thực hiện thu lệ phí cấp đổi Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Vụ Thanh toán:

a) Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về đề nghị cấp bổ sung nội dung tham gia hệ thống thanh toán quốc tế vào Giấy phép, Vụ Thanh toán có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với:

(i) Việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã đảm bảo yêu cầu về hồ sơ đối với quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối hệ thống thanh toán quốc tế;

(ii) Báo cáo thuyết minh việc đáp ứng điều kiện có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó có số liệu giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế tính đến thời điểm nộp hồ sơ (đối với trường hợp đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024);

b) Tiếp nhận và tổng hợp báo cáo định kỳ về tình hình giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Xử lý các vướng mắc trong quá trình ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

4. Cục Công nghệ thông tin:

Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, Cục Công nghệ thông tin có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với:

a) Việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã đảm bảo yêu cầu về hồ sơ quy định tại điểm d(iii) khoản 2 Điều 9 Thông tư này và có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế đối với nội dung liên quan đến các điều kiện về kỹ thuật và việc đảm bảo an toàn bảo mật khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế;

b) Báo cáo thuyết minh việc đáp ứng điều kiện có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về quản trị điều hành, an toàn, bảo mật theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt (đối với trường hợp đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024).

5. Vụ Hợp tác quốc tế:

Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động tham gia hệ thống thanh toán quốc tế, Vụ Hợp tác quốc tế rà soát, xem xét, có ý kiến về hồ sơ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với các cam kết quốc tế về thanh toán tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

6. Vụ Chính sách tiền tệ:

Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, lưu ký chứng khoán, Vụ Chính sách tiền tệ phải có ý kiến cụ thể bằng văn bản.

7. Vụ Quản lý ngoại hối:

Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về đề nghị cấp bổ sung nội dung tham gia hệ thống thanh toán quốc tế vào Giấy phép, Vụ Quản lý ngoại hối có ý kiến cụ thể bằng văn bản:

a) Việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế đối với nội dung liên quan đến quy định pháp luật về quản lý ngoại hối khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế (nếu có);

b) Báo cáo thuyết minh việc đáp ứng điều kiện có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt đối với nội dung liên quan đến quy định pháp luật về quản lý ngoại hối khi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán quốc tế (nếu có) (đối với trường hợp đã tham gia hệ thống thanh toán quốc tế trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024).

8. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Tiếp nhận, thẩm định các hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với những thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này;

b) Có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến đặt trụ sở (đối với trường hợp thay đổi địa bàn đặt trụ sở khác địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng đại diện nước ngoài đang đặt trụ sở) theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

c) Gửi thông tin thay đổi kèm Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoặc Giấy phép cấp đổi cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

d) Thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về thay đổi người đại diện theo pháp luật của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này; về thay đổi Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài của văn phòng đại diện nước ngoài;

đ) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với nội dung thay đổi của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài sau khi đã cấp phép;

e) Tiếp nhận văn bản thông báo của văn phòng đại diện nước ngoài có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố đối với các nội dung thay đổi quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

g) Thông báo cho Bộ Công an (Cục An ninh kinh tế) về nhân sự là Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài sau khi nhận được văn bản thông báo thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài;

h) Có văn bản kèm hồ sơ lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước về đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đối với các nội dung hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất, cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa, hoạt động lưu ký chứng khoán và tham

gia hệ thống thanh toán quốc tế khi thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm a khoản này;

i) Hướng dẫn chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc nộp lệ phí cấp đổi Giấy phép;

k) Thực hiện thu lệ phí cấp đổi Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trừ các chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
2. Thông tư này bãi bỏ:
 - a) Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (Thông tư số 40/2011/TT-NHNN);
 - b) Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;
 - c) Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;
 - d) Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;
 - đ) Thông tư số 37/2019/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm;
 - e) Thông tư số 28/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN;
 - g) Thông tư số 13/2023/TT-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về cấp Giấy phép, tổ chức, hoạt động và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp

thuận nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Bãi bỏ Điều 1 Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về việc cấp Giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 25. Quy định chuyển tiếp

1. Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi của văn phòng đại diện nước ngoài đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.

2. Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép đồng thời với cấp đổi Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.

3. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tiếp tục thực hiện hoạt động thu phí bảo hiểm, thu thập hồ sơ để phục vụ việc giải quyết bồi thường và trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận đã ký trước ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với các hợp đồng, thỏa thuận bảo hiểm mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đại lý bảo hiểm. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn các hợp đồng, thỏa thuận bảo hiểm mà ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đại lý bảo hiểm chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này.

Điều 26. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 26;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6 (03 bản).



Đoàn Thái Sơn



Phụ lục 01

VỀ MẪU GIẤY PHÉP CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP

Về việc thành lập và hoạt động ngân hàng (loại hình....)

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số/2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng..... là..... (bằng chữ:.....)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

18. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

19. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

21. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

24. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

25. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số..... ngày....., kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng..... được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng.....; hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng.....).

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.....;
- Lưu: VP, TTGSNH.

THỐNG ĐỐC

Phụ lục 02

VỀ MẪU GIẤY PHÉP CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG (DO THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CẤP)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 11 tháng 6 năm 2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP

Về việc thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số/2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ngân hàng....., quốc tịch....., có trụ sở chính tại..... được cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau:

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là..... (bằng chữ:.....).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh..... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

24. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng... - Chi nhánh..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.... ngày... kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng... - Chi nhánh.... được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.....; hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng.....).

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH.

THÔNG ĐỌC



Phụ lục 03

**VỀ MẪU GIẤY PHÉP CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI (DO GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG CẤP)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP

Về việc thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số/2024/TT-NHNN ngày ... tháng ... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ngân hàng....., quốc tịch....., có trụ sở chính tại..... được cấp đổi Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số..... ngày..... cho Ngân hàng..... như sau:

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là..... (bằng chữ:.....).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng... - Chi nhánh..... là..... năm (là thời hạn hoạt động được quy định tại Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây) kể từ ngày..... (là ngày hiệu lực của Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp trước đây).

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao-đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật);

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

24. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng... - Chi nhánh..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài số.... ngày... kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng... - Chi nhánh.... được lập thành ba (03) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.....; hai (02) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh/thành phố...

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thống đốc NHNN;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Lưu:

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 04

**VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIAO DỊCH
QUA HỆ THỐNG THANH TOÁN QUỐC TẾ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-NHNN ngày 10 tháng 6 năm 2024
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

BÁO CÁO

Về tình hình giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế

Kỳ báo cáo: Năm....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Thanh toán)

1. Tình hình thực hiện giao dịch qua các hệ thống thanh toán quốc tế

Thông kê số lượng, giá trị giao dịch (đi/đến) qua từng hệ thống thanh toán quốc tế trong kỳ báo cáo

Hệ thống Chỉ tiêu	Hệ thống ...			Hệ thống...			Hệ thống...		
	Đi	Đến	Tăng trưởng so với kỳ trước	Đi	Đến	Tăng trưởng so với kỳ trước	Đi	Đến	Tăng trưởng so với kỳ trước
Số lượng giao dịch									
Giá trị giao dịch									

2. Khó khăn, vướng mắc

Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu chi tiết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện giao dịch qua hệ thống thanh toán quốc tế (nếu có).

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

**Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng
thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)